

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày

tháng

năm 20

của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	241072122	Nguyễn Thị Ngọc Bình	2410721	20		9.05		91.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
2	241072154	Vũ Ngọc Trà My	2410721	20		9.01		93.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
3	241072190	Nguyễn Thùy Dương	2410722	20		9.07		96.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
4	241072212	Phạm Ngọc Linh	2410722	20		9.11		95.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
5	241072225	Đoàn Khánh Ngân	2410722	20		9.30		94.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
6	241072264	Trần Thu Huyền	2410723	20		9.10		86.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
7	241072265	Nguyễn Minh Hùng	2410723	20		9.04		92.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
8	241072276	Bùi Khánh Ly	2410723	20		9.12		88.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
9	241072308	Nguyễn Quốc Anh	2410724	20		9.14		90.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
10	241072314	Bùi Phương Dung	2410724	20		9.08		80.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
11	241072330	Nguyễn Quang Khôi	2410724	20		9.17		84.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
12	241072375	Nguyễn Minh Châu	2410725	20		9.13		88.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
13	241072388	Phí Nguyễn Hoàng	2410725	20		9.11		91.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
14	241072396	Bùi Phương Linh	2410725	19		9.11		91.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
15	241072416	Đặng Thị Hải Thanh	2410725	20		8.97		85.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
16	241072450	Phạm Hoàng Hiệp	2410726	20		9.20		90.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
17	241072466	Điệp Bảo Long	2410726	20		9.29		96.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
18	241072471	Dương Bảo Ngọc	2410726	20		9.23		93.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
19	241072495	Bùi Lê Phương Anh	2410727	20		9.01		87.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
20	241072496	Đoàn Phương Anh	2410727	20		9.00		93.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày

tháng

năm 20

của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
21	241072498	Nguyễn Hà Anh	2410727	20		9.05		85.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
22	241072500	Nguyễn Việt Anh	2410727	20		9.06		91.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
23	241072502	Lê Phan Trung Bắc	2410727	20		9.08		90.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
24	241072506	Nguyễn Thị Phương Dung	2410727	20		9.01		85.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
25	241072516	Hà Thu Hiền	2410727	20		9.18		96.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
26	241072578	Nguyễn Phan Huy	2410728	20		9.02		93.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
27	241072623	Nguyễn Hải Bình	2410729	20		9.24		90.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
28	241072645	Nguyễn Dạ Liên	2410729	20		9.04		92.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
29	241072646	Chu Bảo Linh	2410729	20		9.26		92.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
30	251071834	Hà Nguyễn Thục Quyên	2510617	17		8.98		92.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
31	251071854	Nguyễn Thị Minh Châu	2510618	17		8.74		83.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
32	251071883	Dương Yến Nhi	2510618	17		8.79		84.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
33	251071893	Nguyễn Minh Thư	2510618	17		8.78		92.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
34	251071903	Nguyễn Đàm Hoàng Anh	2510619	17		8.85		84.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
35	251071912	Nguyễn Doãn Đạt	2510619	17		8.79		79.50	13 600 000		13 600 000	Khá
36	251071919	Hồ Lục Gia Huy	2510619	17		8.81		80.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
37	251071922	Phạm Ngọc Khánh	2510619	17		8.51		93.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
38	251071924	Nguyễn Thị Lan	2510619	17		8.52		82.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
39	251071926	Hoàng Yến Linh	2510619	17		8.92		78.50	13 600 000		13 600 000	Khá
40	251071941	Ngô Vũ Hà Phương	2510619	17		8.56		78.50	13 600 000		13 600 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày

tháng

năm 20

của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
41	251071953	Dương Mạnh	Trung	2510619	17		8.63		83.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
42	251071975	Phạm Thanh	Huyền	2510620	17		8.52		94.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
43	251071984	Trương Quang	Long	2510620	17		8.56		82.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
44	251072049	Vũ Nguyễn Hồng	Phúc	2510621	17		8.61		85.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
45	251072071	Trần Diệu	ánh	2510622	17		8.74		86.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
46	251072074	Ngô Phương	Chi	2510622	17		8.58		86.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
47	251072095	Phạm Diệu	Ly	2510622	17		8.55		85.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
48	251072103	Trần Hồ Thiện	Nhân	2510622	17		9.26		91.00	16 320 000		16 320 000	Xuất sắc
49	251072108	Nguyễn Văn	Quyên	2510622	17		8.85		86.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
50	251072114	Lê Thị Ngọc	Trâm	2510622	17		8.59		85.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
51	251072115	Khương Hà	Trang	2510622	17		8.97		83.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
52	251072119	Nguyễn Thị Hải	Yến	2510622	17		8.84		93.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
53	251072154	Vũ Bảo	Ngân	2510623	17		8.83		84.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
54	251072166	Nguyễn Thị Minh	Thu	2510623	17		8.71		84.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
55	251072205	Đỗ Thu	Minh	2510624	17		8.68		84.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
56	251072211	Hoàng Khôi	Nguyên	2510624	17		8.71		83.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
57	251072220	Tạ Quang	Thắng	2510624	17		8.51		85.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
58	471701	Nguyễn Quỳnh	Thơ	4717	16		9.57		87.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
59	471716	Trần Thanh	Vân	4717	16		9.28		81.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
60	471722	Đặng Thùy	Anh	4717	16		9.23		83.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày

tháng

năm 20

của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
61	471725	Vũ Thị Mai	4717	16		9.41		87.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
62	471732	Nguyễn Mai Vân	4717	16		9.41		89.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
63	471736	Nguyễn Việt Vương	4717	16		9.57		92.00	15 360 000		15 360 000	Xuất sắc
64	471737	Nguyễn Kiều Tuấn	4717	16		9.21		83.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
65	471747	Đông Thành Đạt	4717	16		9.33		84.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
66	471748	Hoàng Trang Thảo	4717	16		9.34		84.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
67	471758	Trần Tuấn Anh	4717	16		9.24		88.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
68	471807	Dương Phương Anh	4718	17		9.22		91.00	16 320 000		16 320 000	Xuất sắc
69	471808	Ngô Khánh Huyền	4718	17		9.25		82.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
70	471822	Lê Thị Hằng	4718	17		9.25		84.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
71	471856	Trương Bùi Thục Anh	4718	17		9.19		91.00	16 320 000		16 320 000	Xuất sắc
72	471904	Phan Thị Linh Giang	4719	18		9.33		89.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
73	471913	Nguyễn Trần Hà Phương	4719	18		9.49		90.00	17 280 000		17 280 000	Xuất sắc
74	471919	Đỗ Hải Yến	4719	16		9.51		91.00	15 360 000		15 360 000	Xuất sắc
75	471921	Nguyễn Minh Hằng	4719	16		9.34		85.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
76	472014	Nguyễn Minh Châu	4720	16		9.38		81.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
77	472021	Lê Lâm Anh	4720	16		9.28		90.00	15 360 000		15 360 000	Xuất sắc
78	472059	Nguyễn Thu Mai	4720	16		9.31		85.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
79	472121	Phạm Thị Phương Thảo	4721	17		9.17		93.00	16 320 000		16 320 000	Xuất sắc
80	472123	Lương Trúc Như	4721	17		9.24		90.00	16 320 000		16 320 000	Xuất sắc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày

tháng

năm 20

của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
81	472126	Lê Quang	Huy	4721	17		9.35		90.00	16 320 000		16 320 000	Xuất sắc
82	472258	Trần Thu	Nguyệt	4722	16		9.20		77.00	12 800 000		12 800 000	Khá
83	481725	Ngô Hương	Lan	4817	16		8.78		82.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
84	481829	Trần Thị Phương	Linh	4818	16		8.88		85.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
85	481838	Bùi Yến	Nhi	4818	16		9.03		89.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
86	481840	Lê Thị Yến	Nhi	4818	16		8.92		84.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
87	481913	Hoàng Mạnh	Đạt	4819	16		9.04		97.00	15 360 000		15 360 000	Xuất sắc
88	481931	Nguyễn Tiến	Mạnh	4819	16		8.96		96.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
89	481933	Lê Hà	My	4819	16		8.91		90.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
90	481961	Đỗ Thị Hải	Yến	4819	16		8.78		93.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
91	482011	Phạm ánh	Dương	4820	16		8.89		90.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
92	482050	Nguyễn Thị Hoài	Thu	4820	16		8.86		81.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
93	482051	Lưu Anh	Thư	4820	20		8.93		92.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
94	482107	Trương Ngọc	ánh	4821	16		8.81		80.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
95	482117	Lê Chí	Hiếu	4821	16		8.87		82.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
96	482131	Nguyễn Đức	Minh	4821	16		8.93		85.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
97	482146	Nguyễn Nhật	Thành	4821	16		8.88		91.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
98	482213	Đặng Vũ Ngân	Hà	4822	16		8.86		94.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
99	482234	Bùi Quỳnh	Nga	4822	16		8.87		90.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
100	482236	Trần Lê Bảo	Ngọc	4822	16		8.89		88.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
101	482238	Hoàng Thị Ngọc Oanh	4822	20		9.20		89.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
102	482239	Nguyễn Mai Phương	4822	16		8.94		90.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
103	482249	Nguyễn Anh Thư	4822	21		9.53		97.00	20 160 000		20 160 000	Xuất sắc
104	482303	Ngô Quỳnh Anh	4823	20		8.89		80.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
105	482310	Hoàng Vũ Minh Châu	4823	16		8.78		82.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
106	482314	Vũ Tùng Dương	4823	16		8.96		82.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
107	482332	Lưu Thị Mai	4823	16		8.83		82.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
108	482337	Trần Thảo Ngọc	4823	16		8.98		84.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
109	482345	Nguyễn Thanh Thanh	4823	16		8.99		87.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
110	482357	Nguyễn ánh Tuyết	4823	16		8.96		90.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
111	482422	Vi Thu Huyền	4824	16		8.91		85.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
112	482428	Tăng Quỳnh Linh	4824	16		8.81		86.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
113	482435	Nguyễn Hiền Ngọc	4824	16		8.90		77.50	12 800 000		12 800 000	Khá
114	482436	Nguyễn Khánh Nguyên	4824	16		8.81		94.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
115	482457	Trương Thị Thục Uyên	4824	16		8.97		84.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
Tổng số SV theo danh sách: 115									1 811 360 000		1 811 360 000	